

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/DS-PT

Ngày: 05 – 05 - 2020

V/v tranh chấp: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại
tài sản và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**.

Ông **Võ Trung Hiếu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Trần Minh Hoàng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 4 và 05 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLPT – DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 251/2019/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2020/QĐ - PT ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Dương Thị Kim L**, sinh năm 1972 là đại diện ủy quyền theo văn bản công chứng ngày 01/12/2018 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hội G, xã Mỹ P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn B: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1955 – là đại diện ủy quyền theo văn bản công chứng ngày 05/7/2018 (có mặt).

Địa chỉ: Số 107/11 Lê L, phường 7, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Bà **Tạ Thị L**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1925 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người giám hộ: Ông **Phan Văn M**, sinh năm 1946 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Ông **Phan Văn M**, sinh năm 1946 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ N, xã Mỹ Đức T, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Bà **Nguyễn Thị Bé N**, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Nhị B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. **Người làm chứng:**

4.1. Bà **Võ Thị H** sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

4.2. Bà **Đỗ Thị T** sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

5. *Người kháng cáo:*

5.1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị S**

5.2. Bị đơn: **Nguyễn Văn B** và **Tạ Thị L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn Nguyễn Thị S và đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Dương Thị Kim L trình bày:*

Ngày 18/8/2009, bà Nguyễn Thị S có nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Đ theo Hợp đồng số 5476/39/TA, đối với thửa số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00750, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/12/2008 cho bà Nguyễn Thị Đ.

Quá trình sử dụng đất, Bà S vào canh tác, trồng cây thì ông B và bà L ngăn cản không cho Bà S sử dụng từ năm 2010 đến nay. Bà S phải bỏ đất hoang không

trồng cây ăn trái, không thu hoa lợi trên đất được, gây thiệt hại cho Bà S rất nhiều. Do hoàn cảnh khó khăn, Bà S có ý định muốn chuyển nhượng thửa đất nêu trên thì ông Nguyễn Văn B và bà Tạ Thị L (là người giáp ranh với đất của bà ở hướng Nam) có hành vi ngăn cản không cho Bà S xác định ranh giới khi đo đạc, để thực hiện thủ tục chuyển nhượng. Hành vi của ông B, bà L đã cản trở Bà S thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của Bà S.

Bà S khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn B và bà Tạ Thị L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất trái pháp luật đối với thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5m² tại Ấp Vĩnh Q, xã V, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00750, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/12/2008 do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên, điều chỉnh ngày 27/8/2009 tặng cho cho bà Nguyễn Thị S.

** Bị đơn Nguyễn Văn B và đại diện hợp pháp bà Phan Thị Huệ trình bày:*

Ông Nguyễn Văn B thừa nhận có ngăn cản không cho bà Nguyễn Thị S sử dụng thửa đất số 2560 tờ bản đồ số 01 đất có diện tích 2.007,5 m² tại Ấp Vĩnh Q, xã V. Nguồn gốc phần đất là của bà Nguyễn Thị Đ nhưng ông B, bà L đã trực tiếp canh tác, trồng cây lâu năm và thu hoa lợi trên đất từ năm 1989 cho đến nay. Năm 2015, Bà S đã vào thửa đất chặt phá cây trồng của ông B, bà L, gây thiệt hại cho ông B, bà L gồm 30 cây vú sữa, 34 cây sạpô đang cho trái. Do đó, ông B ngăn cản không cho Bà S sử dụng đất và chặt phá cây trồng trên đất. Sau đó, bà Nguyễn Thị S tìm người để chuyển nhượng diện tích đất nêu trên vì cho rằng bà đã được bà Đ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nói trên. Ông B ngăn cản không đồng ý cho Bà S thực hiện quyền sử dụng đất bởi vì: Thời điểm lập hợp đồng bà Nguyễn Thị Đ trên 80 tuổi nhưng khi lập hợp đồng không có giám định tâm thần của bà Đ; Bà Nguyễn Thị Đ biết đọc chữ và biết ký tên nhưng thì chỉ lãn tay trên hợp đồng mà không có người làm chứng; Các con của bà Đ đều không biết việc bà Đ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Bà S; Trên phần đất có tài sản là cây trồng của ông Nguyễn Văn B, bà Tạ Thị L nhưng khi lập hợp đồng tặng cho thì không có sự đồng ý của ông B, bà L.

Ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà S về việc buộc ông B chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, vì diện tích đất trên là của bà Đ, Bà S không được quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn B có đơn phản tố yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị S lập ngày 18/8/2009 đối với thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5 m² tại Ấp Vĩnh Q, xã V là vô hiệu.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải bồi thường thiệt hại giá trị cây trồng do bà chặt phá gồm 21 cây vú sữa, 32 cây sa pô, theo giá hội đồng định giá là 68.280.000 đồng.

** Bị đơn Tạ Thị L trình bày:*

Bà thừa nhận có cản trở không cho bà Nguyễn Thị S sử dụng thửa đất số 2560 tờ bản đồ số 01 đất có diện tích 2.007,5 m² tại Ấp Vĩnh Q, xã V. Nguồn gốc phần đất là của bà Nguyễn Thị Đ nhưng bà và ông B đã trực tiếp canh tác, trồng cây lâu năm và thu hoa lợi trên đất từ năm 1989 cho đến nay. Năm 2015, Bà S đã vào thửa đất chặt phá cây trồng gây thiệt hại cho bà và ông B gồm 30 cây vú sữa, 34 cây sậpô đang cho trái. Do đó, bà ngăn cản không cho Bà S sử dụng đất và chặt phá cây trồng trên đất.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà S về việc buộc ông B và bà chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, vì diện tích đất trên là của bà Đ, Bà S không được quyền sử dụng đất.

Bà thống nhất toàn bộ lời khai và yêu cầu phản tố của ông B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn M, đồng thời là người giám hộ của bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Ông có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị S lập ngày 18/8/2009 đối với thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5 m², tại Ấp Vĩnh Q, xã V là vô hiệu. Tuy nhiên ông đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện. Ông thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Nguyễn Văn B. Theo ông được biết thửa đất trên bà Đ đã giao cho vợ chồng ông B sử dụng, trồng cây ăn trái từ năm 1991 cho đến năm 2007 thì bà Đ tranh chấp đòi lại đất. Tòa án buộc ông B trả lại cho bà Đ diện tích đất nhưng cây trồng của ông B vẫn còn trên đất.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H, bà Nguyễn Thị Bé N trình bày:*

Năm 2007, bà Nguyễn Thị Đ được Tòa án tuyên xử được quyền sử dụng thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5m², tại Ấp Vĩnh Q, xã V. Sau đó, bà Nguyễn Thị S tìm cách tách hộ khẩu bà Đ, đem bà Đ về nhà nhưng không chăm sóc tử tế và dụ dỗ bà Đ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nói trên cho Bà S để chiếm đoạt. Các con của bà Đ đều không biết việc bà Đ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Bà S. Bà yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị S lập ngày 18/8/2009 đối với thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5 m² tại Ấp Vĩnh Q, xã V là vô hiệu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 251/2019/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Tạ Thị L chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2007,5 m² tại Ấp Vĩnh Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn B 31.160.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé N và bà Phan Thị H về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị S ngày 18/8/2009 đối với thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5m² tại Ấp Vĩnh Q, xã V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường cây trồng trên đất của ông Nguyễn Văn B.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, bị đơn Nguyễn Văn B và Tạ Thị L có đơn kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc nguyên đơn bồi thường cho bị đơn toàn bộ số cây trồng bị đốn (32 cây sapo + 21 cây vú sữa), giá trị là 68.280.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thống nhất với nội dung án sơ thẩm, rút yêu cầu kháng cáo, đồng thời thống nhất với bị đơn trả tiền cây trên đất trị giá 20.650.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu sửa án sơ thẩm, buộc nguyên đơn bồi thường 68.280.000 đồng là không có căn cứ vì không có chứng cứ chứng minh nguyên đơn gây thiệt hại cho bị đơn 32 cây sapo và 21 cây vú sữa trị giá 68.280.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn bồi thường 31.160.000 đồng như thừa nhận của bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Khoản 2, Khoản 5 Điều 308; Khoản 1 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự, Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn B, bà Tạ Thị L nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật. Bị đơn có yêu cầu phản tố hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, bồi thường thiệt hại tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị S: Tại phiên tòa, Bà S tự nguyện rút đơn kháng cáo. Xét việc rút đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của Bà S.

[4] Về nội dung kháng cáo của bà Tạ Thị L và ông Nguyễn Văn B: Ông B, bà L không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm, kháng cáo yêu cầu sửa một phần án sơ thẩm, buộc Bà S bồi thường giá trị cây trồng bị đốn là 21 cây vú sữa, 32 cây sậpô trị giá là 62.280.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh nguyên đơn gây thiệt hại 21 cây vú sữa, 32 cây sậpô nên không thể chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn bồi thường 31.160.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa, hai bên cùng thống nhất, Bà S được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng còn lại trên thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5 m², tại Ấp Vĩnh Q, xã V, Châu Thành, Tiền Giang, gồm: 13 cây dừa A, 02 cây dừa B1, 04 cây bưởi C, 02 cây xoài B1, 01 cây me A, 01 cây me B2. Bà S có nghĩa vụ trả giá trị tài sản này cho ông B, bà L là 20.650.000 đồng, theo biên bản định giá ngày 12/9/2018.

Tổng cộng Bà S có nghĩa vụ trả cho ông B, bà L là 51.810.000 đồng (năm mươi một triệu tám trăm mười ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên, bà L, ông B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đối với số tiền 20.650.000 đồng, Bà S tự nguyện trả cho ông B, bà L tại phiên tòa phúc thẩm, được Hội đồng xét xử ghi nhận nên bà không phải chịu án phí.

Đối với các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 312, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S; Không chấp nhận kháng cáo của bà Tạ Thị L, ông Nguyễn Văn B .

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S về việc không đồng ý bồi thường cho ông B, bà L số tiền 31.160.000 đồng.

2. Sửa bản án sơ thẩm 251/2019/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, bồi thường thiệt hại tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất”.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn B, bà Tạ Thị L 31.160.000 đồng (ba mươi một triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Bà S được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng còn lại trên thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5 m², tại Ấp Vĩnh Q, xã V, Châu T, Tiền Giang, gồm: 13 cây dừa A, 02 cây dừa B1, 04 cây bưởi C, 02 cây xoài B1, 01 cây me A, 01 cây me B2. Bà S có nghĩa vụ trả trả giá trị tài sản này cho ông B, bà L là 20.650.000 đồng (hai mươi triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng cộng Bà S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B, bà Tạ Thị L là 51.810.000 đồng (năm mươi một triệu tám trăm mười ngàn đồng).

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bé N và bà Phan Thị H về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị S ngày 18/8/2009 đối với thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.007,5m², tại Ấp Vĩnh Q, xã V.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 01341 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên bà đã nộp xong.

Bà Tạ Thị L, ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 01356 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên ông bà đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị S phải chịu 1.558.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008340 ngày 30/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên bà phải nộp tiếp 1.258.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008503 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên ông đã nộp xong.

Bà Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Phan Văn M, bà Phan Thị H, bà Nguyễn Thị Bé N mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0008612, 0008613, 0008614 ngày 27/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 8 giờ 30 ngày 05/5/2020, có mặt ông B, bà L, Bà S và đại diện Viện kiểm sát.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM
- VKSND Tỉnh Tiền Giang.
- TAND huyện C.
- Chi cục THA DS huyện C.
- Đường sự.
- Phòng KTNV & THA (TAT)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ánh Phương